

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VIỆT- EXPRESS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG VIỆT- EXPRESS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EXPRESS - VIET COMMUNICATION SOLUTIONS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EXPRESS - VIET CO .,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109227062

3. Ngày thành lập: 16/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 32 ngách 155/1 Đặng Tiến Đông, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Quảng cáo	7310
2.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
3.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát	5630
4.	Đại lý du lịch	7911
5.	Cho thuê xe có động cơ chi tiết: Cho thuê ô tô; Cho thuê xe có động cơ khác.	7710
6.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
9.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
10.	Đào tạo trung cấp	8532
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh) Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh	5610
14.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
15.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
16.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển	5229
19.	In ấn	1811
20.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
21.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác Chi tiết: Thiết bị điện cho gia đình	7729
22.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
24.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
25.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
28.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
29.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
30.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
31.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659(Chính)
32.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

33.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
34.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
35.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
36.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
37.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4711
41.	Xây dựng nhà để ở	4101
42.	Xây dựng nhà không để ở	4102
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
45.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
46.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
47.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
48.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
49.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4511
50.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
53.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ	8010
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312

57.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
58.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
61.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
62.	Chuyển phát	5320
63.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết : - Điều tra thị trường tiềm năng, sự chấp nhận, tính liên quan của sản phẩm và thói quen mua sắm của người tiêu dùng cho mục đích xúc tiến bán và phát triển những sản phẩm mới, bao gồm kết quả phân tích thống kê; - Điều tra thu thập ý kiến của công chúng về những sự kiện chính trị, kinh tế và xã hội, bao gồm kết quả phân tích thống kê.	7320
64.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết : - Quan hệ và thông tin cộng đồng; - Hoạt động vận động hành lang; - Thiết kế phương pháp kiểm toán hoặc cơ chế, chương trình chi phí kiểm toán, cơ chế điều khiển ngân quỹ; - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	7020

65.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : - Sản xuất súp và nước xuýt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
66.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết : -Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt -Bán buôn thủy sản -Bán buôn rau, quả -Bán buôn cà phê -Bán buôn chè -Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột -Bán buôn thực phẩm khác	4632
67.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Chi tiết : Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực có hạt khác như: lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê.	0112
68.	Trồng cây ăn quả Chi tiết: Trồng nho làm nguyên liệu sản xuất rượu nho và trồng nho ăn quả.	0121
69.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

70.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết : Các hoạt động được chuyên môn hóa phục vụ cho bên ngoài trên cơ sở phí hoặc hợp đồng các công việc sau: - Xử lý cây trồng; - Phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng; - Cắt, xén, tỉa cây lâu năm; - Làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch; - Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên giống cây trồng; - Kiểm tra hạt giống, cây giống; - Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.	0161
71.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa Chi tiết :- Chế biến sữa tươi dạng lỏng, sữa đã tiệt trùng, sữa diệt khuẩn, đồng hoá và / hoặc đã xử lý đun nóng; - Chế biến các đồ uống giải khát từ sữa; - Sản xuất kem từ sữa tươi, sữa đã tiệt trùng, diệt khuẩn, đồng hoá; - Sản xuất sữa làm khô hoặc sữa đặc có đường hoặc không đường; - Sản xuất sữa hoặc kem dạng rắn; - Sản xuất bơ; - Sản xuất sữa chua; - Sản xuất pho mát hoặc sữa đông; - Sản xuất sữa chua lỏng (chất lỏng giống nước còn lại sau khi sữa chua đã đông lại); - Sản xuất casein hoặc lactose; - Sản xuất kem và các sản phẩm đá ăn được khác như kem trái cây.	1050
72.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
73.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
74.	Sản xuất đường Chi tiết : - Sản xuất đường (sucrose), mật mía, đường củ cải và đường khác từ các cây khác có đường. Tinh lọc đường thô thành đường tinh luyện (RE). Sản xuất xi rô, mật nước tinh lọc được làm từ đường mía hoặc đường từ các cây khác có đường như đường củ cải, đường từ cây thích, đường từ cây thốt nốt; - Sản xuất đường dạng lỏng; - Sản xuất mật đường;	1072
75.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết : - Sản xuất mì như mì ống, mì sợi kể cả đã được nấu, nhồi hoặc chưa; - Sản xuất bột mì (nấu với thịt); - Sản xuất mì đông lạnh hoặc mì đóng gói;	1074

76.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
77.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
78.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
79.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết : - Chế biến thực phẩm chủ yếu là rau quả, trừ các thức ăn đã chế biến sẵn để lạnh; - Bảo quản rau, quả, hạt bằng phương pháp đông lạnh, sấy khô, ngâm dầu,... - Chế biến thức ăn từ rau quả; - Chế biến mứt rau quả; - Chế biến mứt sệt, mứt đóng khuôn và mứt dạng nước (thạch hoa quả); - Chế biến và bảo quản khoai tây như: chế biến khoai tây làm lạnh; chế biến khoai tây nghiền làm khô; chế biến khoai tây rán; chế biến khoai tây giòn và chế biến bột khoai tây; - Rang các loại hạt; - Chế biến thức ăn từ hạt và thức ăn sệt. Nhóm này cũng gồm: - Bóc vỏ khoai tây; - Bóc vỏ hạt điều, bóc vỏ đậu phộng; - Sản xuất giá sống; - Chế biến các thực phẩm cô đặc từ rau quả tươi; - Sản xuất thực phẩm từ rau quả để hong làm sẵn như: sa lát, rau đã cắt hoặc gọt, đậu để đông.	1030
80.	Sản xuất rượu vang Chi tiết : - Sản xuất rượu vang; - Sản xuất rượu sủi tăm; - Sản xuất rượu từ chiết xuất của nho; - Sản xuất đồ uống có cồn lên men nhưng không qua chưng cất như rượu sake, rượu táo, rượu lê, rượu mật ong, rượu hoa quả khác và đồ uống hỗn hợp chứa cồn; - Sản xuất rượu vec mut và đồ uống tương tự.	1102
81.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết : - Sản xuất rượu từ mạch nha như bia, bia đen; - Sản xuất mạch nha ủ men bia; - Sản xuất bia không cồn hoặc có độ cồn thấp.	1103
82.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết : - Sản xuất đồ uống không cồn trừ bia và rượu không cồn; - Sản xuất nước có mùi vị hoặc nước ngọt không cồn, có ga hoặc không có ga: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng...	1104

83.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết ; - Sản xuất phân bón như: + Phân đạm ni tơ nguyên chất hoặc hỗn hợp, phân lân hoặc phân kali, + Phân urê, phân lân thô tự nhiên và muối kali thô tự nhiên. - Sản xuất sản phẩm có chứa ni tơ như: + Axit nitric và sunphua nitric, amoni, amoni clorua, amoni cacbonat, kali nitorat. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất đất có than bùn làm thành phần chính; - Sản xuất đất là hỗn hợp của đất tự nhiên, cát, cao lanh và khoáng; - Sản xuất than tổ ong; - Sản xuất than trâu, than thiêu kết.	2012
84.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
87.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
88.	Thu gom rác thải độc hại	3812
89.	Đào tạo sơ cấp	8531
90.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
91.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
92.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
93.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
94.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
96.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
97.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

6. Vốn điều lệ: 9.600.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ VIỆT MẠNH	Xóm Và, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.880.000.000	30,000	001091009230	
2	BÙI TIẾN THƯỚC	Xóm Và, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6.720.000.000	70,000	112503317	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ VIỆT MẠNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/08/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001091009230

Ngày cấp: 16/11/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Và, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Và, Xã Tốt Động, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội